



Phụ lục I
DANH MỤC THUỐC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU
(Kèm theo Quyết định số 1717/QĐ-BVĐKKH ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa)

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	GDKLH hoạt GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng chào giá	Đơn giá chào giá (Có VAT)	Thành tiền	Công ty cung ứng	Ghi chú
1	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	24 tháng	VN-22922-21	Medochemie Ltd.-central Factory	Cộng hòa Sip	Viên	15.000	7.266	108.990.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha	
2	Nhóm 1	Tamisynt 500mg	Ciprofloxacin hydrochloride (tương đương ciprofloxacin 500mg) 583mg	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	24 tháng	893615262423 (GC-246-16)	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	Viên	20.000	1.945	38.900.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha	
3	Nhóm 1	Rodogyl	Spiramycin+metronidazol	750.000IU+125mg	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 10 viên	36 tháng	800115002200 (VN-21829-19)	Sanofi S.R.L	Ý	Viên	15.000	9.030	135.450.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha	
4	Nhóm 4	Povidon iodine 10%	Mỗi chai 20 ml chứa Povidon iodine 10% (w/v)	10%/90ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Chai 90ml	36 tháng	893100900624 (VD-28005-17)	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Việt Nam	Chai	12.000	9.545	114.540.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.PHARM	
5	Nhóm 4	Propranolol	Propranolol.HCl	40mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110045423 (VD-21392-14)	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	10.000	488	4.880.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.PHARM	
6	Nhóm 5	Agimoti	Domperidone	0,1% (kl/tt)	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 1 chai 30ml	24 tháng	893110256423	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Chai	750	4.100	3.075.000	Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm	
7	Nhóm 4	Agi-Ery 500	Erythromycin (dưới dạng Erythromycin stearat)	500mg	Uống	Viên nén dài bao phim	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110310624	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	5.000	1.150	5.750.000	Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm	
8	Nhóm 4	Aginfolix 5	Acid folic	5mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893100333724	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	3.000	168	504.000	Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm	
9	Nhóm 3	Agitro 500	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ x 3 viên	36 tháng	893110130925	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	15.000	2.450	36.750.000	Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm	

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	GDKLH hoạt GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng chào giá	Đơn giá chào giá (Có VAT)	Thành tiền	Công ty cung ứng	Ghi chú
10	Nhóm 4	Azenmarol 1	Acenocoumarol	1mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110257623	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	30.000	115	3.450.000	Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm	
11	Nhóm 4	Ifatrax	Itraconazol (dưới dạng vi hạt chứa Itraconazol 22% kl/kl)	100mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 4 vỉ x 4 viên, 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110430724	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	5.000	2.050	10.250.000	Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm	
12	Nhóm 4	Povidone	Povidone iodine	10%	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Chai nhựa chứa 30ml	24 tháng	893100041923	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Chai	2.000	4.950	9.900.000	Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm	
13	Nhóm 4	Agirenyl	Retinyl acetat	5.000IU	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893100163425	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	7.000	230	1.610.000	Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm	
14	Nhóm 4	Gelactive	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	(400mg+300mg)/10ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói x 10ml	36 tháng	893110345524	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	Gói	10.000	2.394	23.940.000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	
15	Nhóm 5	Air-X 120	Simethicone	120mg	Uống	Viên nén nhai	Hộp 10 vỉ x 10 viên	60 tháng	885100025123 (VN-19126-15)	R.X. Manufacturing Co., Ltd	Thái Lan	Viên	45.000	1.365	61.425.000	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Úc Châu	
16	Nhóm 5	Air-X SF	Simethicon	40mg	Uống	Viên nén nhai	Hộp 10 vỉ x 10 viên	60 tháng	VN-22632-20	R.X. Manufacturing Co., Ltd	Thái Lan	Viên	30.000	777	23.310.000	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Úc Châu	